

A. Các quy định chung

E-ĐKC 5.2

- Giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng: 3% giá hợp đồng.
- Thời gian hiệu lực của bảo lãnh thực hiện hợp đồng là: Bảo đảm thực hiện hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày phát hành bảo lãnh hoặc ngày hợp đồng có hiệu lực (tùy điều kiện nào đến trước) cho đến hết ngày thứ 28 sau khi Nhà thầu hoàn thành tất cả Công việc của Hợp đồng và Chủ đầu tư nhận được Bảo lãnh bảo hành;
- Bảo đảm thực hiện hợp đồng phải được Chủ đầu tư chấp thuận và tuân thủ mẫu số 15 Chương VIII. Nếu các điều khoản của bảo đảm thực hiện hợp đồng nêu rõ ngày hết hiệu lực và Nhà thầu chưa hoàn thành các nghĩa vụ của hợp đồng vào thời điểm 07 ngày trước ngày bảo đảm thực hiện hợp đồng của Nhà thầu đã nộp cho Chủ đầu tư hết hiệu lực, Nhà thầu sẽ phải gia hạn hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng cho tới khi công việc đã được hoàn thành và mọi sai sót đã được sửa chữa xong.
- Nhà thầu sẽ chịu trách nhiệm gia hạn hiệu lực Bảo đảm thực hiện hợp đồng và thanh toán chi phí cho việc gia hạn này. Trường hợp Nhà thầu là nhà thầu liên danh thì từng thành viên phải nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng cho Chủ đầu tư, mức bảo đảm tương ứng với phần giá trị hợp đồng mà mỗi thành viên thực hiện. Nếu Liên danh có thỏa thuận nhà thầu đứng đầu liên danh nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng thì nhà thầu đứng đầu liên danh nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng với giá trị là 3 phần trăm (%) giá trị của hợp đồng cho Chủ đầu tư và từng thành viên liên danh phải nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng cho nhà thầu đứng đầu liên danh tương ứng với giá trị hợp đồng do mình thực hiện.
- Trong quá trình thực hiện hợp đồng Nhà thầu phải đảm bảo giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng là 3 phần trăm (%) giá trị của hợp đồng đối với mọi trường hợp.
- Tịch thu bảo đảm thực hiện hợp đồng: Chủ đầu tư có quyền tịch thu Bảo lãnh thực hiện hợp đồng trong các trường hợp sau:
 - + Nhà thầu từ chối thực hiện hợp đồng khi hợp đồng đã có

	<p>hiệu lực;</p> <ul style="list-style-type: none"> + Nhà thầu vi phạm thỏa thuận trong hợp đồng; + Nhà thầu thực hiện hợp đồng chậm tiến độ do lỗi của mình nhưng từ chối gia hạn hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng; + Nhà thầu không gia hạn bảo lãnh đúng hạn theo quy định của Hợp đồng; + Chủ đầu tư có bằng chứng trong việc Nhà thầu sử dụng tiền thanh toán cho hợp đồng này sai mục đích. <p>Nếu nhà thầu là nhà thầu liên danh, bất kỳ thành viên nào trong liên danh vi phạm quy định tại các trường hợp trên thì Chủ đầu tư có quyền tịch thu bảo lãnh.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nếu Nhà thầu chưa hoàn thành nghĩa vụ hợp đồng tại thời điểm 28 ngày trước ngày Bảo đảm thực hiện hợp đồng hết hiệu lực thì Nhà thầu phải gia hạn hiệu lực Bảo đảm thực hiện hợp đồng với giá trị, hiệu lực phù hợp với quy định như trên và nộp cho Chủ đầu tư trước thời điểm hết hiệu lực của Bảo đảm thực hiện hợp đồng tối thiểu 21 ngày. - Trường hợp Hạng mục được nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng mà vẫn còn các tồn tại mà Nhà thầu phải khắc phục thì Nhà thầu phải gia hạn bảo lãnh thực hiện hợp đồng.
<p>E-ĐKC 5.4</p>	<p>Thời hạn hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng: Bảo đảm thực hiện Hợp đồng sẽ được Chủ đầu tư giải tỏa và trả lại cho Nhà thầu không chậm hơn 28 ngày kể từ khi Nhà thầu hoàn thành nghĩa vụ của Hợp đồng, Dự án được nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng và Chủ đầu tư nhận được Bảo lãnh bảo hành từ Nhà thầu.</p>
<p>E-ĐKC 20.1(a)</p>	<p>Thời gian bảo hành công trình tối thiểu 18 tháng kể từ ngày nghiệm thu hoàn thành công trình và bàn giao đưa vào sử dụng.</p> <p>Bảo lãnh bảo hành: Trong vòng 15 ngày kể từ ngày Công trình được nghiệm thu đưa vào sử dụng và được Chủ đầu tư chấp nhận để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ bảo hành, Nhà thầu phải giao cho Chủ đầu tư Bảo lãnh bảo hành. Bảo lãnh này sẽ được</p>

giải tỏa trong vòng 28 ngày sau khi hết thời gian bảo hành và Nhà thầu hoàn thành nghĩa vụ bảo hành, sửa chữa các sai sót theo yêu cầu. Bảo lãnh bảo hành mà Nhà thầu gửi Chủ đầu tư phải là Bảo lãnh không hủy ngang, vô điều kiện do một Ngân hàng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam phát hành và có giá trị bằng 5 phần trăm (%) Giá trị hợp đồng.

Hiệu lực của bảo lãnh bảo hành: Bảo lãnh bảo hành có hiệu lực kể từ công trình được nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng đến hết 28 ngày sau ngày hết thời gian bảo hành. Trường hợp sửa chữa, thay thế Hàng hóa trong thời gian bảo hành, Nhà thầu phải gia hạn hiệu lực của Bảo lãnh bảo hành này tương ứng với thời gian bảo hành mới. Trường hợp sửa chữa hoặc thay thế Hàng hoá, giai đoạn bảo hành tương ứng của hàng hóa thiết bị đó sẽ được kéo dài thêm khoảng thời gian phù hợp quy định tại Yêu cầu về kỹ thuật và Phạm vi công việc và Tiến độ thực hiện hợp đồng kể từ ngày việc sửa chữa và thay thế đó được Chủ đầu tư chấp nhận.

Nếu các sai sót về mặt kỹ thuật hay hư hỏng xảy ra trong thời gian bảo hành mà nguyên nhân xác định được do lỗi của Nhà thầu thì Nhà thầu hoàn toàn chịu trách nhiệm xử lý sửa chữa, thay thế kịp thời bằng mọi chi phí của Nhà thầu theo thời gian yêu cầu của Chủ đầu tư. Trước khi tiến hành sửa chữa, Nhà thầu phải gửi kế hoạch và nguyên nhân để Chủ đầu tư phối hợp thực hiện. Trường hợp quá thời gian quy định theo yêu cầu, Nhà thầu cố tình trì hoãn sửa chữa thì Chủ đầu tư có quyền thuê các tổ chức khác thực hiện và Nhà thầu phải chịu mọi chi phí liên quan này.

Tại thời điểm 28 ngày trước ngày bảo lãnh bảo hành hết hiệu lực mà Nhà thầu chưa khắc phục hoàn toàn các tồn tại nêu trên thì Nhà thầu phải gia hạn thời hạn bảo lãnh với toàn bộ giá trị của bảo lãnh bảo hành cho phù hợp với thời gian hai bên đã thống nhất khắc phục các tồn tại và nộp cho Chủ đầu tư trước thời điểm hết hiệu lực của Bảo đảm thực hiện hợp đồng tối thiểu 21 ngày. Trong trường hợp tại thời điểm 28 ngày trước ngày bảo lãnh bảo hành hết hiệu lực mà Nhà thầu không gia hạn bảo lãnh thì Chủ đầu tư có quyền tịch thu bảo lãnh bảo hành.

B. Quản lý thời gian

E-ĐKC 28

- Ngày khởi công: Trong vòng 10 ngày kể từ ngày bàn giao mặt bằng thi công và nhà thầu sẽ bắt đầu tiến hành thi công xây dựng công trình ngay sau ngày khởi công (Sau khi phương án thi công và biện pháp an toàn được duyệt).
- Ngày hoàn thành dự kiến: 90 ngày kể từ ngày Hợp đồng có hiệu lực.

E-ĐKC 29.1

Nhà thầu phải trình Chủ đầu tư Biểu tiến độ thi công chi tiết trong vòng 05 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực. Biểu tiến độ thi công chi tiết cụ thể thời gian theo tuần và các mốc công việc chính thực hiện (Theo mẫu của chủ đầu tư).

Biểu tiến độ thi công chi tiết sẽ bao gồm:

- Trình tự thực hiện công việc của Bên nhận thầu và thời gian thi công cho mỗi giai đoạn chính của công trình;
- Tiến độ huy động nhân sự, máy móc thiết bị theo số lượng được nêu trong E-HSDT của Bên nhận thầu.
- Quá trình và thời gian kiểm tra, kiểm định.

Nếu Nhà thầu không thực hiện trình Biểu tiến độ thi công đúng thời hạn, đúng mẫu quy định, Chủ đầu tư sẽ không chấp nhận cho Nhà thầu tiếp cận công trường và triển khai thi công.

E-ĐKC 29.4

- Thời gian cập nhật Biểu tiến độ thi công chi tiết:
 - + Trong quá trình thực hiện hợp đồng, nếu có những phát sinh ảnh hưởng đến tiến độ thi công, bên nhận thầu được phép điều chỉnh tiến độ chi tiết theo tuần, tháng nhưng phải phù hợp với tiến độ tổng thể của Hợp đồng và được chủ đầu tư chấp thuận.
 - + Trong vòng 03 ngày kể từ khi được Chủ đầu tư chấp thuận cho phép điều chỉnh tiến độ, Nhà thầu phải lập biểu tiến độ thi công chi tiết điều chỉnh trình Chủ đầu tư và cập nhật Biểu tiến độ thi công chi tiết theo quy định.

	<p>+ Nhà thầu chỉ được phép tiếp tục triển khai thi công sau khi đã trình Chủ đầu tư chấp thuận và cập nhật Biểu tiến độ thi công điều chỉnh.</p>
<p>E-ĐKC 44.1</p>	<p>Phương thức thanh toán: Chuyển khoản.</p> <p>Thanh toán: Thanh toán một lần cho nhà thầu sau khi nhà thầu hoàn thành các công việc đã thỏa thuận theo hợp đồng, hai bên ký biên bản nghiệm thu bàn giao và quyết toán gói thầu được phê duyệt. Các tài liệu hồ sơ quyết toán gồm có:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Công văn đề nghị thanh toán; - Hóa đơn GTGT; - Quyết toán giá trị khối lượng công việc hoàn thành theo quy định: 06 bản gốc; - Biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành có đại diện Bên A và đại diện bên B ký và đóng dấu (theo mẫu biên bản nghiệm thu chất lượng có ghi khối lượng): 06 bản gốc; - Các hồ sơ pháp lý liên quan: - Đối với phần vật tư thiết bị: <ul style="list-style-type: none"> + Chứng nhận chất lượng vật tư thiết bị của nhà sản xuất; + Chứng nhận CO, CQ đối với vật tư thiết bị nhập khẩu; + Biên bản thử nghiệm xuất xưởng, thử nghiệm mẫu vật tư thiết bị theo quy định; - Đối với phần lắp đặt: <ul style="list-style-type: none"> + Biên bản nghiệm thu vật tư thiết bị trước khi đưa đi lắp đặt; + Nhật ký thi công, bản vẽ hoàn công, biên bản nghiệm thu nội bộ, biên bản nghiệm thu công việc và hồ sơ pháp lý kèm theo. - Bảo lãnh bảo hành bằng 5% giá trị hợp đồng.
<p>E-ĐKC 49.1</p>	<p>Mức phạt:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đối với vật tư thiết bị: <ul style="list-style-type: none"> + Phạt chậm tiến độ: Khi Bên B vi phạm nghĩa vụ hoàn thành

công tác cung ứng vật tư thiết bị theo điều khoản về tiến độ thì sẽ bị phạt như sau: Phạt 1% giá trị phần vật tư thiết bị bị vi phạm cho mỗi tuần, khi nhà thầu chậm đến 5 tuần Bên A sẽ xem xét đình chỉ thực hiện phần việc bị vi phạm này và sẽ ký kết hợp đồng với một nhà thầu khác để thực hiện, chi phí cho việc này sẽ được trừ vào giá trị hợp đồng;

+ Phạt vi phạm chất lượng: Trong thời gian bảo hành theo hợp đồng nếu vật tư thiết bị hư hỏng do không đảm bảo về chất lượng thì nhà thầu có trách nhiệm thay thế theo quy định tại điều khoản của bảo hành;

+ Phạt do thay đổi xuất xứ: Nếu trong quá trình thực hiện hợp đồng, nhà thầu đề nghị thay đổi xuất xứ, chủng loại của vật tư thiết bị thì ngoài việc cung cấp các nguyên nhân và tài liệu liên quan để cho Bên A xem xét và trình cấp có thẩm quyền cho phép thay đổi, trong trường hợp được chấp nhận, nhà thầu còn phải chịu phạt 5% giá trị đã ký kết trong hợp đồng của vật tư thiết bị xin đổi, trừ những trường hợp bất khả kháng;

- Đối với phần xây lắp và lắp đặt: Trong trường hợp bên B vi phạm nghĩa vụ hoàn thành hợp đồng theo tiến độ (Ngoại trừ trường hợp bất khả kháng) thì bên B sẽ bị phạt những khoản tiền như sau:

+ Phạt 0,5% giá trị xây lắp bị vi phạm cho mỗi tuần;

+ Khi bên B chậm đến 8 tuần thì Bên A sẽ xem xét đình chỉ hợp đồng và tịch thu bảo lãnh thực hiện hợp đồng;

+ Bên B vi phạm nghĩa vụ nộp tiến độ thi công chi tiết và biện pháp tổ chức thi công thì bị phạt 2% giá trị hợp đồng. Khi bên B chậm đến 2 tuần thì bên A sẽ xem xét đình chỉ hợp đồng và tịch thu bảo lãnh thực hiện hợp đồng;

+ Trong trường hợp bên B vi phạm nghĩa vụ đảm bảo chất lượng cho công trình, bên B sẽ chịu mọi chi phí và thực hiện việc sửa chữa theo yêu cầu của bên A để đảm bảo chất lượng và bị phạt 12% giá trị phần hợp đồng xây lắp bị vi phạm về chất lượng. Trường hợp do sửa chữa mà phải kéo dài thời gian hoàn thành công trình thì tiếp tục xử lý phạt.

- Trong trường hợp bên B không thực hiện hợp đồng thì sẽ tịch

	<p>thu bảo lãnh thực hiện hợp đồng;</p> <ul style="list-style-type: none">- Các trường hợp vi phạm ngoài việc phải chịu phạt như quy định ở trên, nhà thầu còn phải chịu trách nhiệm hoàn toàn về bồi thường thiệt hại do vi phạm trực tiếp hay gián tiếp gây ra cho Bên A hoặc Bên thứ 3;- Mọi trường hợp vi phạm trên được hiểu là do lỗi chủ quan của nhà thầu, các trường hợp này sẽ là cơ sở để Bên A xem xét khả năng, năng lực, uy tín của nhà thầu trong việc tham gia thực hiện các gói thầu khác do Bên A quản lý;- Nếu 03 lần kiểm tra công trình, bên A phát hiện bên B không có đủ nhân lực bộ máy thi công, máy móc, thiết bị thi công, vật tư thiết bị theo tiến độ cam kết trong hợp đồng và biện pháp, tiến độ tổ chức thi công đã được bên A chấp thuận, bên A có quyền đình chỉ hợp đồng, tịch thu bảo lãnh thực hiện hợp đồng và bên B còn phải bồi thường toàn bộ thiệt hại do sự vi phạm gây ra;- Các vướng mắc trong thi công gói thầu, bên A triệu tập bên B họp giải quyết, nếu quá 03 lần, nhà thầu không cử đại diện họp pháp bên A có quyền đình chỉ hợp đồng, tịch thu bảo lãnh thực hiện hợp đồng và bên B còn phải bồi thường toàn bộ thiệt hại do sự vi phạm gây ra;- Không quá 15 ngày kể từ ngày nghiệm thu đóng điện đưa công trình vào sử dụng, bên B phải giao nộp đầy đủ hồ sơ quyết toán cho bên A và cử cán bộ chuyên môn giải quyết các vướng mắc trong quá trình thẩm tra hồ sơ quyết toán. Quá 20 ngày kể từ ngày nghiệm thu đóng điện đưa công trình vào sử dụng bên B mới giao nộp hồ sơ quyết toán sẽ bị phạt 0,1% giá trị hợp đồng cho mỗi tuần chậm. Nếu quá 30 ngày kể từ ngày nghiệm thu đóng điện đưa công trình vào sử dụng bên B mới giao nộp hồ sơ quyết toán thì sẽ không được tham đấu thầu các gói thầu mới do Bên A quản lý.
	E. Kết thúc hợp đồng

E-ĐKC 54	Thời gian bàn giao công trình: Sau khi nghiệm thu, Nhà thầu khắc phục hết các tồn tại và các bên ký biên bản bàn giao công trình đưa vào sử dụng.
E-ĐKC 55.1	Thời gian nộp bản vẽ hoàn công: Không muộn hơn 07 ngày trước ngày hợp đồng hết hiệu lực.